

ẤN DỤ ĐỊNH HƯỚNG VỀ TÌNH YÊU TRONG TRUYỆN NGẮN ANH - VIỆT

DINH THI THANH HUYỀN¹
DINH THI HƯƠNG²

Abstract: In literature, orientational conceptual metaphors serve as sophisticated linguistic tools that help authors convey abstract concepts through familiar and intimate images. In works centered on love, they become extremely powerful for expressing complex emotions that ordinary language may struggle to encompass fully. In English and Vietnamese short stories, love is often described through orientational conceptual metaphors, enabling readers not only to feel but also to deeply understand the thoughts and emotional states of the characters. Analyzing these orientational conceptual metaphors not only offers a novel perspective on expressing love in literature but also helps explore similarities and differences in the cultural perceptions of love between languages. This article focuses on systematizing and comparing metaphors of love in English and Vietnamese short stories, shedding light on cultural changes in the metaphorical conceptualizations of love between English and Vietnamese; thereby pointing out similarities and differences in the ways of thinking about love between the English and Vietnamese people. In addition, in an effort to improve the teaching and learning of English, we analyze and explain the reasons for these differences from a cognitive and cultural perspective.

Keywords: *conceptual metaphor, orientational conceptual metaphor, mapping, love, thought*

1. Mở đầu

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và giao thoa văn hoá ngày càng mạnh mẽ, việc nghiên cứu ngôn ngữ dưới góc độ văn hoá - tư duy trở nên cấp thiết nhằm góp phần lí giải cách con người ở các nền văn hoá khác nhau nhận thức, thể hiện cảm xúc và quan niệm về thế giới. Một trong những công cụ hữu hiệu để khám phá mối liên hệ giữa ngôn ngữ và tư duy chính là ẩn dụ ý niệm (ADYN), bởi nó không chỉ phản ánh cách con người hình dung về các khái niệm trừu tượng mà còn cho thấy đặc trưng văn hoá chi phối quá trình biểu đạt và nhận thức. Trong số đó, tình yêu - một chủ đề phổ quát của nhân loại - lại càng trở nên phong phú và đa dạng trong cách biểu đạt thông qua các dạng ẩn dụ, đặc biệt là ẩn dụ định hướng, nơi các trải nghiệm không gian, thể chất được truyền tải để định hướng hoá những xúc cảm và trạng thái tinh thần.

Trong văn học, đặc biệt là ở thể loại truyện ngắn, ẩn dụ định hướng về tình yêu càng được thể hiện một cách tinh tế và cô đọng. Truyện ngắn với dung lượng vừa phải, tập trung vào khai thác chiều sâu tâm lí và cảm xúc nhân vật, thường sử dụng hình ảnh, biểu tượng, ẩn dụ để khắc hoạ trạng thái tình cảm. Đây chính là cơ sở phù hợp để khảo sát cách các tác giả thuộc hai nền văn hoá Anh và Việt sử dụng ẩn dụ định hướng nhằm kiến tạo hình dung về tình yêu. Việc so sánh các truyện ngắn tiếng Anh và tiếng Việt không chỉ góp phần làm rõ những điểm tương đồng và khác biệt trong biểu đạt tình yêu, mà còn mở ra góc nhìn sâu sắc về những nền tảng tư duy, các yếu tố văn hoá chi phối cách con người yêu, cảm nhận và thể hiện tình yêu trong văn học.

Bài viết này vì thế không chỉ có ý nghĩa trong lĩnh vực ngôn ngữ học tri nhận mà còn đóng góp vào việc hiểu rõ hơn về giao thoa văn hoá và phát triển năng lực cảm thụ văn học, đặc biệt trong bối cảnh dạy và học ngoại ngữ hiện nay. Những phát hiện từ bài viết có thể là nền tảng để nâng cao nhận thức về cách sử dụng và giải mã ẩn dụ trong giao tiếp liên văn hoá, từ đó thúc đẩy sự hiểu biết và giao lưu giữa các cộng đồng ngôn ngữ khác nhau.

2. Một số cơ sở lí thuyết liên quan

2.1. Quan điểm về ẩn dụ ý niệm

Ẩn dụ ý niệm là một phân nhánh trong ngữ nghĩa học tri nhận, tập trung nghiên cứu ngôn ngữ qua mối liên hệ với tư duy và kinh nghiệm của con người. Theo Lakoff và Johnson [18], ẩn dụ không chỉ là công cụ nghệ thuật hay phép tu từ trong văn học, mà còn hiện diện phổ biến trong đời sống thường ngày, thể hiện qua suy nghĩ, hành động và cách con người cấu trúc nhận thức. Ví dụ, người ta thường nói *Tình yêu là chiến tranh* để mô tả cảm xúc mãnh liệt, hoặc *Cuộc đời là hành trình* để thể

¹ Trường Đại học Thành Đô; Email: dtthuyen@thanhdouni.edu.vn

² Trường Đại học Mở Hà Nội; Email: dthuong11@hou.edu.vn

hiện quá trình phát triển. Theo đó, toàn bộ hệ thống ý niệm của con người đều mang tính ẩn dụ, đóng vai trò định hướng tư duy và hành vi. Kövecses [13] bổ sung rằng ẩn dụ được hình thành trên cơ sở những kinh nghiệm phong phú, các mối tương quan trong quá trình chiêm nghiệm, cùng với sự tác động của văn hoá và yếu tố di truyền; từ đó, các miền nguồn và miền đích được thiết lập qua cơ chế ánh xạ, tạo nên đặc trưng nhận thức riêng của con người.

2.2. Định nghĩa, cơ sở hình thành và đặc điểm của ẩn dụ ý niệm

- Định nghĩa ẩn dụ ý niệm

Theo Lakoff và Johnson [15, tr.5], “ẩn dụ ý niệm là sự ý niệm hoá một miền tinh thần qua một miền tinh thần khác, thông qua sự ánh xạ (mapping) có hệ thống từ một miền này sang một miền khác, nhằm tạo nên một mô hình tri nhận giúp lĩnh hội miền đích hiệu quả hơn”.

- Cơ sở hình thành ẩn dụ ý niệm

Lakoff và Johnson [15, tr.56] cho rằng, ngoài sự tương đồng khách quan đã có từ trước, ADYN được hình thành dựa trên hai cơ sở chính: (1) sự tương liên về kinh nghiệm - khi một sự kiện này thường xuyên dẫn đến một sự kiện khác; và (2) sự tương đồng cấu trúc được cảm nhận - tức là sự tương đồng phi khách quan mà người nói cảm nhận giữa hai đối tượng.

- Đặc điểm của ẩn dụ ý niệm

Theo Kövecses [14, tr.23] và Lakoff & Johnson [15, tr.14], ADYN có bảy đặc điểm nổi bật: (1) tính đơn hướng, (2) tính nhấn mạnh và che giấu, (3) tính hệ thống, (4) tính tầng bậc, (5) tính phổ quát, (6) tính biến thiên văn hoá, và (7) tính tương hoà văn hoá.

2.3. Các khái niệm liên quan đến ẩn dụ ý niệm

- **Ý niệm:** là đơn vị nhận thức phản ánh cách con người hiểu và tương tác với thế giới dựa trên chủ quan cá nhân [4, tr.21].

- **Ý niệm hoá:** là quá trình hình thành ý niệm, giúp gián lược và nội hoá kinh nghiệm tri nhận [2, tr.45].

- **Cấu trúc của ẩn dụ ý niệm** gồm hai miền: Nguồn và Đích, được liên kết qua hệ thống ánh xạ, trong đó các yếu tố của miền Nguồn được chiếu sang miền Đích theo nguyên tắc bảo toàn cấu trúc [16, tr.45].

- **Ánh xạ:** là các mối liên hệ cố định giữa các yếu tố của miền Nguồn và miền Đích, giúp hình thành và hiểu ý niệm thông qua sơ đồ tương ứng [14, tr.540].

- **Lược đồ hình ảnh** được hình thành từ trải nghiệm lặp đi lặp lại về thế giới, lưu giữ cảm xúc và ý niệm; trong khi nghiệm thân là quá trình sử dụng cơ thể và trải nghiệm thân xác để hình thành hệ thống ý niệm và tư duy [15, tr.58].

2.4. Phân loại ẩn dụ ý niệm

Theo Lakoff và Johnson, ẩn dụ gồm 3 loại:

- **Ẩn dụ cấu trúc:** là loại ẩn dụ mà ở đó ý nghĩa của một từ/biểu thức (miền đích) được hiểu thông qua cấu trúc của một từ/biểu thức khác (miền nguồn).

- **Ẩn dụ bản thể:** ẩn dụ bản thể quy những trải nghiệm vốn vô hình, trừu tượng, mơ hồ thành những thực thể hữu hình, tồn tại dưới dạng thức sự vật, chất liệu... nhằm giúp chúng ta hiểu rõ hơn các ý niệm trừu tượng.

- **Ẩn dụ định hướng:** ẩn dụ định hướng không cấu trúc ý niệm thông qua một ý niệm khác mà thay vào đó tổ chức cả một hệ thống ý niệm trong mối tương quan với nhau.

3. Tình hình nghiên cứu ẩn dụ ý niệm về tình yêu

3.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

Nghiên cứu ADYN về tình yêu trên thế giới đã thu hút sự quan tâm của nhiều học giả với các hướng chính:

Các nghiên cứu về ADYN tình yêu cho thấy tính bền vững của các ẩn dụ này do dựa trên trải nghiệm cơ thể chung [24], [26], nhưng cũng có sự thay đổi theo thời gian và bối cảnh văn hoá [22], [25], [12]. Các miền nguồn phổ biến trong các ẩn dụ tình yêu bao gồm VẬT CHỨA, HÀNH TRÌNH, CHIẾN TRANH, MA THUẬT [15, tr.45], [14, tr.32]) và các miền nguồn mới như MÙ QUÁNG, MẶT TRỜI [22, tr.298], [24, tr.14], [26, 587]. Ngoài ra, ảnh hưởng của văn hoá đối với ADYN cũng rất rõ rệt; theo Kövecses [14, tr.66], các ẩn dụ này bị tác động mạnh mẽ bởi bối cảnh văn hoá, trong khi Li & Guo [19, tr.179] cho rằng chúng có nền tảng tri nhận chung giữa các nền văn hoá. Biến thể của ADYN phụ thuộc vào yếu tố cá nhân như giới tính và tuổi tác [20], [13], [11], [27]. Các nghiên cứu đa ngôn ngữ như Anh - Trung [26, tr.584]), Anh - Ba Tư [18, tr.538] đã củng cố tính phổ quát và sự khác

biệt văn hoá trong ADYN. Hơn nữa, ADYN còn được nghiên cứu trong các lĩnh vực ngữ pháp, văn học và nghệ thuật, với ẩn dụ văn học xuất phát từ các ADYN phổ quát [14], [23], [21], [15].

3.2. Tình hình nghiên cứu trong nước

Nghiên cứu về ADYN tình yêu ở Việt Nam chủ yếu tập trung vào các hình ảnh văn hoá bản địa như cây đa, bến nước, âm - dương và “lòng” (khác với “heart” trong tiếng Anh). Trần Văn Nam [9, tr.78] chỉ ra nền tư duy bản ngã trong Thơ mới. Các miền nguồn phổ biến gồm Mặt trăng/Mặt trời [1, tr.18], Hành trình [3, tr.59] và Sợi tơ [11, tr.82], cùng các miền nguồn mới như Rượu, Sức mạnh hồi sinh, Dòng sông [6, tr.114], [7, tr.42], [5, tr.47], [8, tr.68]).

Các nghiên cứu so sánh giữa tiếng Anh và tiếng Việt đã làm rõ sự tương đồng và khác biệt trong cách miêu tả tình yêu [1, tr.20], [3, tr.60]. Các nghiên cứu về ADYN tình yêu ở Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu về lí thuyết và thực tiễn. Tuy nhiên, vẫn tồn tại hạn chế về tiêu chí xác định ẩn dụ, phạm vi ngữ liệu (thường chỉ tập trung vào ca từ, thành ngữ, tục ngữ) và chưa khai thác sâu thể loại truyện ngắn, một thể loại giàu giá trị cảm xúc và văn hoá. Đây là cơ hội cho các nghiên cứu tiếp theo, đặc biệt là nghiên cứu đối chiếu ẩn dụ tình yêu trong truyện ngắn Anh - Việt.

4. Tư liệu và phương pháp nghiên cứu

4.1. Nguồn ngữ liệu

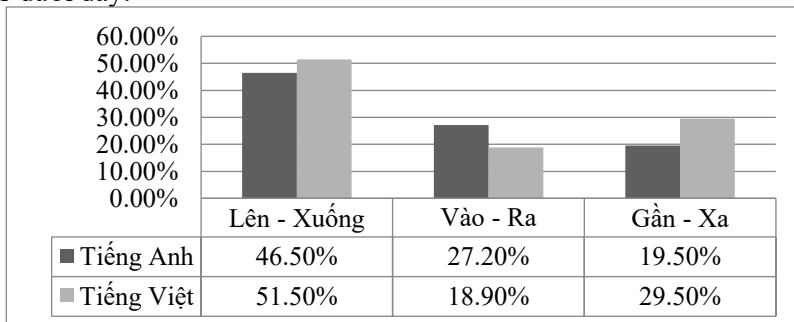
Ngữ liệu khảo sát gồm 13 truyện ngắn tiếng Anh và 13 truyện ngắn tiếng Việt được chọn theo các tiêu chí: chủ đề tình yêu, ngôn ngữ giàu hình ảnh, biểu tượng và phản ánh bối cảnh văn hoá hiện đại/cận hiện đại của Anh và Việt. Tổng cộng, nghiên cứu thu thập 679 biểu thức ẩn dụ định hướng trong tiếng Anh và 718 biểu thức trong tiếng Việt.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng ba phương pháp bổ trợ: phân tích định tính để phân loại biểu thức ẩn dụ theo miền nguồn, miền đích và định hướng không gian (LÊN - XUỐNG, VÀO - RA, GẦN - XA); phân tích định lượng qua thống kê tần suất để đo lường sự xuất hiện của các ẩn dụ; và đối chiếu so sánh ba cấp độ: số lượng, ánh xạ miền nguồn - miền đích và giá trị văn hoá - tri nhận để làm rõ sự tương đồng và khác biệt giữa tiếng Anh và tiếng Việt. Các bước nghiên cứu bao gồm thu thập ngữ liệu, nhận diện ẩn dụ, phân loại theo trục định hướng, thống kê tần suất và phân tích đối chiếu.

5. Kết quả và thảo luận

Ẩn dụ định hướng được hình thành trên cơ sở kinh nghiệm vật lí của con người trong thế giới quan; do đó phương thức ý niệm hoá, cơ sở ánh xạ của các ý niệm thường mang nhiều đặc tính tương đồng giữa các nền văn hoá. Ví dụ, các giá trị tích cực như hạnh phúc, cân bằng, có sức khoẻ, có ý thức, kết nối,... thường định hướng lên trên, trong khi các giá trị tiêu cực như nỗi đau, mất cân bằng, vô thức, mất kết nối, lại thường định hướng xuống. Trong khuôn khổ ngữ liệu khảo cứu, nghiên cứu tập trung vào 3 cặp không gian chính LÊN - XUỐNG, VÀO - RA và GẦN - XA với chi tiết về tần suất như trong Hình 1 dưới đây:



Hình 1. Thống kê số lượng biểu thức chứa dụ dẫn trong các miền không gian của ẩn dụ định hướng

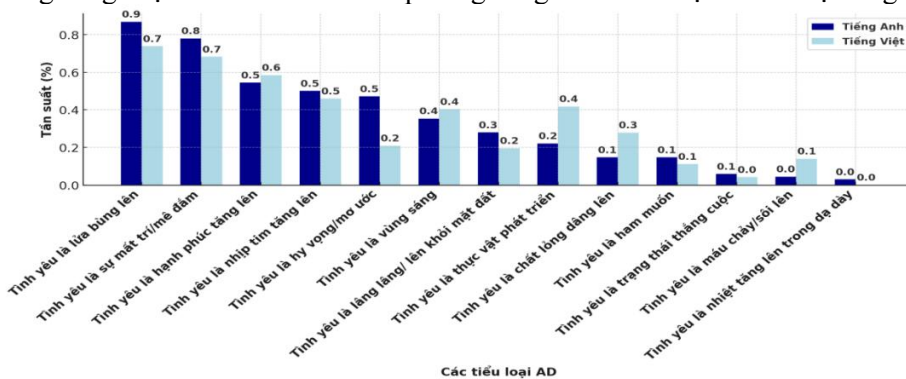
Phân loại dựa trên miền không gian, nghiên cứu xác định được 6 ẩn dụ định hướng về tình yêu trong truyện ngắn tiếng Anh và tiếng Việt. Quan sát Hình 1 cho thấy, miền không gian LÊN - XUỐNG có tần suất sử dụng vượt trội trong cả hai ngôn ngữ với 361 biểu thức (BT) chứa ẩn dụ, chiếm 46,5% trong tiếng Anh, thấp hơn so với 370 BT trong tiếng Việt, chiếm 51,5%. Xếp ở vị trí thứ 2 là miền GẦN - XA với 133 BT trong tiếng Anh, chiếm 19,5%, thấp hơn so với 212 BT trong tiếng Việt, chiếm

29,5%. Cuối cùng là miền VÀO - RA ghi nhận tỉ lệ vượt trội của các BT chứa AD tiếng Anh so với tiếng Việt với 185 BT (27,2%) tiếng Anh và 136 BT (18,9%) tiếng Việt.

5.1. ẨN DỤ CÓ TÌNH YÊU LÀ HƯỚNG LÊN TRÊN, MẤT TÌNH YÊU LÀ HƯỚNG XUỐNG DƯỚI

5.1.1. ẨN DỤ CÓ TÌNH YÊU LÀ HƯỚNG LÊN TRÊN

Ẩn dụ ý niệm định hướng CÓ TÌNH YÊU LÀ HƯỚNG LÊN được mô tả bằng 15 ADYN thứ cấp về tình yêu trong tiếng Việt và 16 ADYN thứ cấp trong tiếng Anh như được minh hoạ trong Hình 2:

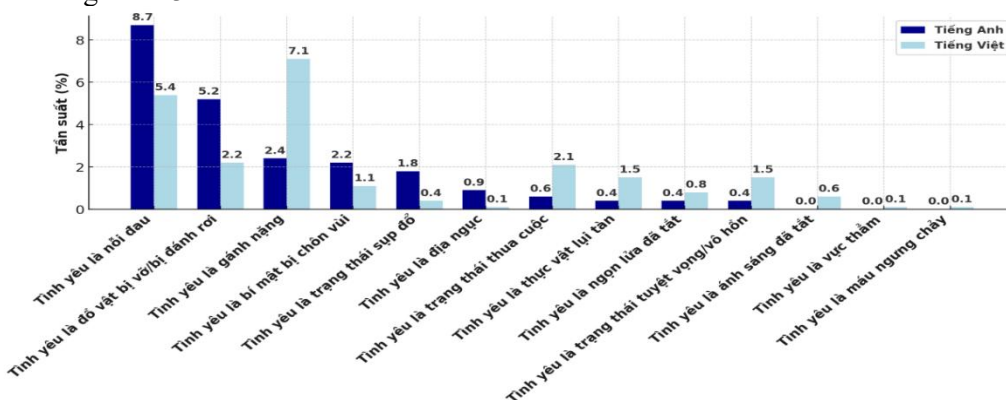


Hình 2. Các cấp độ của ẩn dụ định hướng CÓ TÌNH YÊU LÀ HƯỚNG LÊN

Trong cả tiếng Việt và tiếng Anh, tình yêu thường được ý niệm hoá theo hướng lên để biểu đạt sự bùng nổ, thăng hoa, song cách triển khai lại mang dấu ấn văn hoá và tư duy khác biệt. Tiếng Việt thường gắn tình yêu với những hình ảnh giàu cảm xúc, thiên về quá trình và tính biểu tượng: ngọn lửa được nhen nhóm, tích tụ rồi bùng cháy; nhịp tim “reo lên”, “run lên” đầy tinh tế; tình yêu được ví như hạt giống nảy mầm, lớn dần và kết trái. Cách diễn đạt này cho thấy người Việt nhìn tình yêu như một dòng chảy nội tâm có chiều sâu, giàu khả năng hồi tưởng và duy trì. Ngược lại, tiếng Anh nghiêng về sự trực quan và cơ học, mô tả tình yêu qua phản ứng sinh lí tức thì và cường độ mạnh mẽ: lửa “flared up”, tim “pound”, cảm giác nóng bừng trong dạ dày, hay sự bùng phát đột ngột của ham muốn. Các biểu thức này nhấn mạnh tính tức thì, quan sát được, thay vì chiều sâu nội cảm. Nhìn chung, nếu tiếng Việt thể hiện tình yêu bằng những biểu tượng phong phú, tinh tế và giàu tính quá trình, thì tiếng Anh lại thiên về hành động, phản xạ và hiệu ứng bộc phát, cho thấy hai cách tri nhận khác nhau về cùng một trải nghiệm phổ quát.

5.1.2. ẨN DỤ MẤT TÌNH YÊU LÀ HƯỚNG XUỐNG

Định hướng xuống dưới trong ẩn dụ TÌNH YÊU phản ánh các trạng thái cảm xúc tiêu cực như thất vọng, buồn bã khi tình yêu tan vỡ hoặc không thể tiếp tục. Nghiên cứu thống kê 10 ẩn dụ phái sinh trong tiếng Anh và 11 ẩn dụ trong tiếng Việt liên quan đến hướng xuống của ẩn dụ MẤT TÌNH YÊU, chi tiết có trong Hình 3.



Hình 3. Các cấp độ của ẩn dụ định hướng MẤT TÌNH YÊU LÀ HƯỚNG XUỐNG

Tình yêu trong cả tiếng Việt và tiếng Anh đều được miêu tả qua những hình ảnh mạnh mẽ, nhưng cách triển khai lại có sự khác biệt rõ rệt. Trong *Tình yêu là gánh nặng/đề nén*, tiếng Anh dùng “burden” để miêu tả tình yêu như một sức nặng vật lí đè lên vai, nhấn mạnh tính lí tính và sự vật lí, còn tiếng Việt sử dụng “đề nén” để phản ánh sức ép âm ỉ trong lòng, thể hiện sự sâu sắc và nội tâm của cảm xúc.

Với *Tình yêu là đồ vật bị vỡ/ bị đánh rơi*, cả hai ngôn ngữ đều hình dung tình yêu đổ vỡ như một vật rơi và vỡ vụn, nhưng tiếng Việt chú trọng đến cảm xúc và sự đọng lại của những mảnh vỡ tâm hồn, trong khi tiếng Anh thiên về sự đột ngột và mạnh mẽ với các từ như “shattered” và “destroyed”, phản ánh sự khác biệt về tính thực dụng và cảm xúc trong mỗi nền văn hoá.

Trong *Tình yêu là sụp đổ/chết lạng*, người Anh dùng động từ mạnh mẽ như “devastated” và “slammed into” để mô tả sự sụp đổ đột ngột, tạo cảm giác bất ngờ và mức độ hủy diệt mạnh mẽ, còn tiếng Việt lại miêu tả tình trạng tê liệt, dần dần mất đi cảm giác như trong “chết lạng”, nhấn mạnh sự âm ỉ và kéo dài của nỗi đau.

Tình yêu là sự lắng xuống là hình ảnh đặc trưng trong văn hoá Việt, gắn với trải nghiệm sông nước, nơi tình yêu tan vỡ không chỉ sụp đổ mà còn “lắng xuống”, để lại những lớp cặn lắng trong tâm hồn. Khác với tiếng Anh, hình ảnh này thể hiện nỗi đau âm ỉ, tích tụ lâu dài, phản ánh sự khác biệt về cách cảm nhận và biểu đạt trong mỗi nền văn hoá.

Tình yêu là thực vật lụi tàn được miêu tả chi tiết hơn trong tiếng Việt với những từ như “khô héo”, “tàn tạ”, mang đậm ảnh hưởng của văn hoá nông nghiệp và sự gắn kết với tự nhiên, trong khi tiếng Anh chỉ sử dụng các từ đơn giản như “wilted” và “fading”, thể hiện cái nhìn thực tế và cơ học.

Hình ảnh *Tình yêu là ngọn lửa đã tắt* trong tiếng Việt gắn với sự tiếc nuối và sự tàn phai theo thời gian “lụi tàn”, trong khi tiếng Anh (burnt out) lại nhấn mạnh sự kiệt quệ, cạn kiệt năng lượng, phản ánh sự khác biệt trong cảm nhận về sự mất đi của tình yêu.

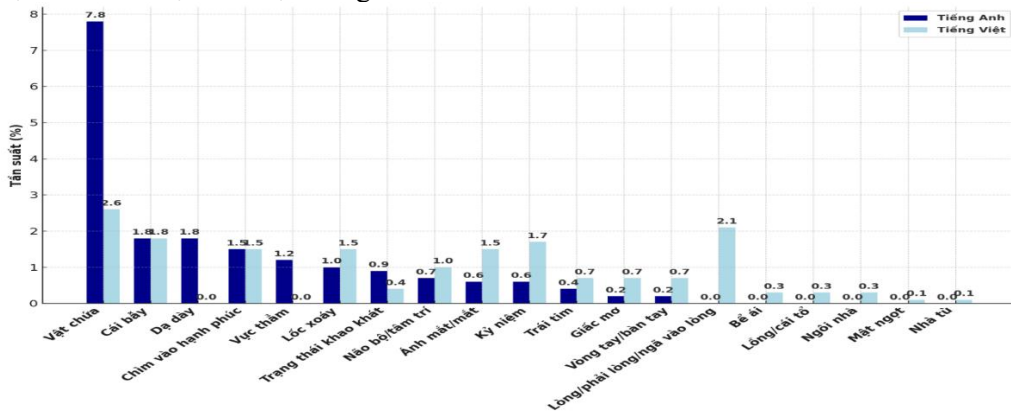
Cuối cùng, *Tình yêu là vực thẳm/địa ngục* cũng phản ánh sự khác biệt văn hoá rõ rệt: tiếng Việt sử dụng “vực thẳm” để thể hiện sự mất mát không đáy, mang tính không gian và tự nhiên, trong khi tiếng Anh lại dùng “hell”, gắn với hình phạt tôn giáo và sự cực hình.

Nhìn chung, sự khác biệt giữa tiếng Anh và tiếng Việt trong việc miêu tả tình yêu không chỉ thể hiện trong cách sử dụng hình ảnh mà còn phản ánh tư duy văn hoá: tiếng Việt chú trọng vào cảm xúc nội tâm, biểu tượng sâu sắc, và quá trình dâng lên từ từ của tình yêu, trong khi tiếng Anh thiên về sự bộc phát, đột ngột và cường độ tức thì của cảm xúc, mang tính lí tính và quan sát bên ngoài.

5.2. ẨN DỤ CÓ TÌNH YÊU LÀ HƯỚNG VÀO TRONG, MẮT TÌNH YÊU LÀ HƯỚNG RA NGOÀI

5.2.1. ẨN DỤ CÓ TÌNH YÊU LÀ HƯỚNG VÀO TRONG

Kết quả khảo sát ngữ liệu cho thấy, ẩn dụ định hướng CÓ TÌNH YÊU LÀ HƯỚNG VÀO được tìm thấy khá phong phú trong cả hai ngôn ngữ với 14 ẩn dụ phái sinh trong tiếng Anh và 18 ẩn dụ trong tiếng Việt. Chi tiết được thể hiện trong Hình 4:



Hình 4. Các cấp độ của ẩn dụ định hướng CÓ TÌNH YÊU LÀ HƯỚNG VÀO

Trong cả tiếng Việt và tiếng Anh, tình yêu thường được miêu tả qua hình ảnh HƯỚNG VÀO như một không gian, nơi con người có thể rơi vào, ngự trị hoặc mắc kẹt. Cả hai ngôn ngữ đều sử dụng các hình ảnh tương tự để khái niệm hoá tình yêu, nhưng cách thể hiện lại khác nhau. Tiếng Anh thường chi tiết hoá mức độ và sự sâu sắc của tình yêu, như trong “deeply in love” hay “head-over-heels”, nhấn mạnh sự bao phủ và cảm giác vật lí, đặc biệt là liên kết với cơ thể (stomach). Trong khi đó, tiếng Việt mở rộng hình ảnh này với các cụm từ giàu tính biểu tượng và liên tưởng, như “chiếc túi tình yêu”, “bể ải”, “mặt ngọt”, phản ánh tư duy cảm tính và sự gắn kết với đời sống văn hoá.

Trong ẩn dụ *Tình yêu là hướng vào vật chứa*, tiếng Anh miêu tả tình yêu như một trạng thái sâu sắc (deeply, completely), còn tiếng Việt sử dụng hình ảnh “lún sâu”, “đắm mình” để thể hiện sự cuốn hút không thể thoát ra.

Trong *Tình yêu là hướng vào lòng/dạ dày*, người Việt gắn tình yêu với “lòng”, “tim”, thể hiện chiều sâu tâm hồn, trong khi người Anh lại gắn tình yêu với “dạ dày” và cảm giác sinh lí (butterflies in the stomach), phản ánh sự khác biệt văn hoá rõ rệt giữa phương Đông và phương Tây.

Tình yêu là hướng vào ánh mắt/mắt trong tiếng Việt nhấn mạnh sự xâm nhập và chiếm lĩnh tâm hồn (“ngự trị trong tim”), trong khi tiếng Anh chỉ miêu tả tình yêu qua hình ảnh đơn giản và trung tính (“in each other’s eyes”).

Về *Tình yêu là hướng vào vòng tay*, tiếng Việt sử dụng hình ảnh mạnh mẽ như “lao vào vòng tay”, còn tiếng Anh miêu tả tình yêu qua cảm giác mềm mại hơn với “melt in my arms”.

Trong *Tình yêu là hướng vào cái bẫy*, tiếng Việt sáng tạo hơn với nhiều cụm từ giàu tính liên tưởng, nhấn mạnh sự tự nguyện sa bẫy vì say đắm (chui đầu, vương phải). Tiếng Anh thường miêu tả trạng thái bị kẹt (trapped) - thiên về góc nhìn khách quan, ít tính biểu tượng.

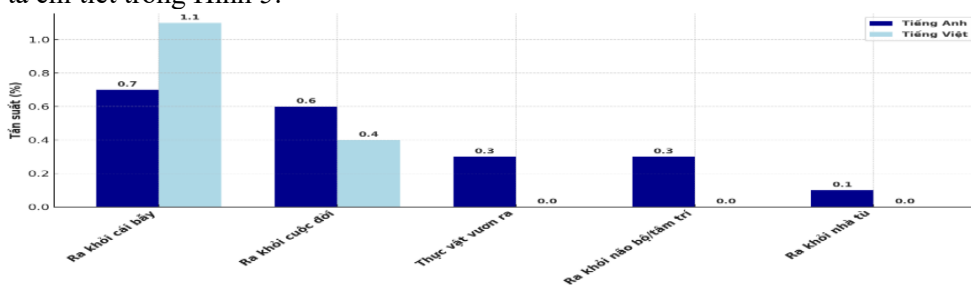
Đặc biệt, *Tình yêu là hướng vào lòng/tổ, bệ ái, ngôi nhà, mật ngọt, nhà tù* là những hình ảnh độc đáo trong tiếng Việt, phản ánh tư duy văn hoá dân tộc, trong khi tiếng Anh không có những ảnh xạ tương tự.

Cuối cùng, *Tình yêu là hướng vào vực thẳm* lại là một ví dụ thú vị về sự khác biệt văn hoá: tiếng Việt miêu tả vực thẳm như biểu tượng của sự mất mát và đổ vỡ (“tuột xuống vực sâu”), trong khi tiếng Anh lại gọi lên sự đắm chìm mạnh mẽ trong tình yêu (“drowning in their dark depths”).

Nhìn chung, sự khác biệt giữa tiếng Anh và tiếng Việt trong cách miêu tả tình yêu phản ánh rõ rệt sự phân biệt văn hoá: tiếng Anh thiên về tính lí tính, trực quan và cơ thể, trong khi tiếng Việt giàu cảm xúc, biểu tượng và gắn liền với văn hoá dân tộc.

5.2.2. Ẩn dụ định hướng MẮT TÌNH YÊU LÀ HƯỚNG RA NGOÀI

Các ẩn dụ định hướng MẮT TÌNH YÊU LÀ HƯỚNG RA NGOÀI ý niệm hoá tình yêu một cách tiêu cực do giá trị tiền đề tiêu cực của chúng. Tình yêu trong những trường hợp này đã mất đi hàm ý tích cực mà thay vào đó được chuyển đi đến miền tiêu cực. Chi tiết các tiểu loại ẩn dụ và tần suất xuất hiện được mô tả chi tiết trong Hình 5:



Hình 5. Các cấp độ của ẩn dụ định hướng MẮT TÌNH YÊU LÀ HƯỚNG RA NGOÀI

Tình yêu trong cả tiếng Anh và tiếng Việt thường được khái niệm hoá qua hình ảnh “ra ngoài” như một hành động giải thoát khỏi sự ràng buộc. Cả hai ngôn ngữ đều sử dụng những cụm từ như “giải thoát, đi thôi” và “released, rid of, free” cho thấy sự tương đồng trong việc hình dung tình yêu là không gian giam cầm. Tuy nhiên, tiếng Việt thiên về diễn tả cảm xúc nội tâm, gắn với sự day dứt, trong khi tiếng Anh lại trực tiếp hơn, nhấn mạnh sự dứt khoát.

Hình ảnh “ra khỏi cuộc đời” cũng phổ biến ở cả hai ngôn ngữ. Người Việt dùng “bước ra khỏi đời anh” để nhấn mạnh sự rời xa đầy tiếc nuối; tiếng Anh dùng “walk out of her life” mang sắc thái dứt khoát, lạnh lùng. Điều này cho thấy sự khác biệt trong cách nhìn nhận tình yêu và sự chia tay.

Một số hình ảnh chỉ có trong tiếng Anh, như “out of my brain/head” hay “got out of prison”, phản ánh tư duy lí tính và thực dụng của phương Tây, coi tình yêu như một thực thể có thể loại bỏ khỏi trí nhớ hoặc thoát ra khỏi cuộc sống. Ngược lại, tiếng Việt không có những hình ảnh này mà thiên về cảm xúc nội tâm và sự gắn bó lâu dài.

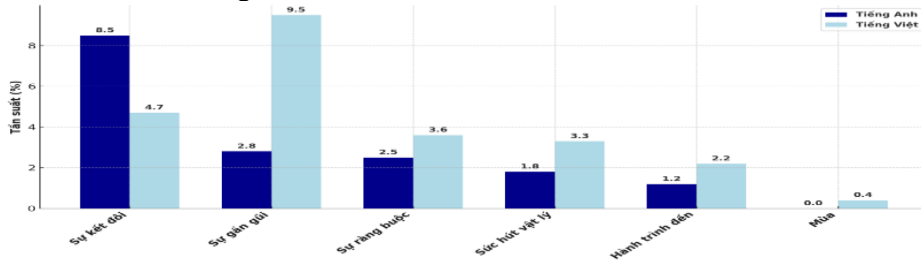
Tóm lại, cả tiếng Anh và tiếng Việt đều sử dụng hình ảnh “ra ngoài” để diễn tả sự giải thoát khỏi tình yêu, nhưng tiếng Việt thiên về biểu tượng và cảm xúc nội tâm, trong khi tiếng Anh lại chú trọng

vào tính trực quan, dứt khoát và thực dụng. Sự khác biệt này phản ánh rõ nét sự phân biệt văn hoá: tiếng Việt gắn với cảm xúc và biểu tượng, còn tiếng Anh mang tính lí trí và kiểm soát.

5.3. Ấn dụ định hướng CÓ TÌNH YÊU LÀ HƯỚNG LẠI GẦN, MẮT TÌNH YÊU LÀ HƯỚNG RA XA

5.3.1. Ấn dụ định hướng CÓ TÌNH YÊU LÀ HƯỚNG LẠI GẦN (TRẠNG THÁI KẾT NỐI)

Định hướng HƯỚNG LẠI GẦN chiếm tỉ lệ tương đồng cao trong cả hai ngôn ngữ với 6 ấn dụ phái sinh như được biểu diễn trong Hình 6:



Hình 6. Các cấp độ của ấn dụ định hướng CÓ TÌNH YÊU LÀ HƯỚNG LẠI GẦN

Trong cả hai ngôn ngữ, HƯỚNG LẠI GẦN là một định hướng quan trọng để ý niệm hoá tình yêu như sự kết nối, hòa hợp và hấp dẫn giữa hai con người. Tuy nhiên, trật tự ưu tiên có sự khác biệt: trong tiếng Anh, SỰ KẾT ĐỐI đứng đầu bảng, còn trong tiếng Việt, SỰ GẦN GŨI chiếm tỉ lệ cao nhất (9,5%).

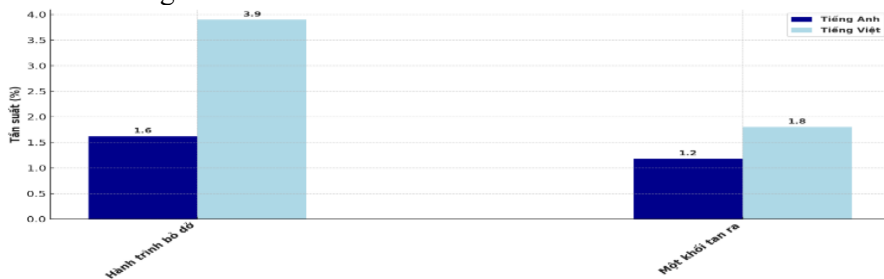
Cả tiếng Anh và tiếng Việt đều miêu tả HƯỚNG LẠI GẦN trong tình yêu qua sự kết nối và hấp dẫn, nhưng có sự khác biệt văn hoá rõ rệt. Tiếng Anh ưu tiên SỰ KẾT ĐỐI (like “designed for each other”), nhấn mạnh tính lí tính và sự phù hợp, trong khi tiếng Việt đề cao SỰ GẦN GŨI (như “siết chặt”, “ôm”), chú trọng cảm xúc và sự gắn bó tự nhiên.

Cả hai ngôn ngữ thể hiện SỰ GẦN GŨI qua hành động và cảm xúc, nhưng tiếng Anh tập trung vào hành động cụ thể như “move in together”, còn tiếng Việt lại nhấn mạnh trạng thái nội tâm. BỘ PHẬN GẦN GŨI cũng phản ánh sự khác biệt khi tiếng Anh liên kết với các phần cơ thể thể chất (tay, chân), còn tiếng Việt gắn với các bộ phận mang tính tinh thần và cảm xúc (lưng, linh hồn).

MÙA và LỰC HÚT VẬT LÍ xuất hiện rõ ràng trong tiếng Việt và tiếng Anh, nhưng tiếng Việt thiên về các biểu tượng tự nhiên và cảm xúc, trong khi tiếng Anh chú trọng đến yếu tố vật lí và thực dụng. Sự khác biệt này phản ánh phong cách biểu đạt của mỗi ngôn ngữ: tiếng Anh trực quan và lí tính, tiếng Việt giàu cảm xúc và biểu tượng.

5.3.2. Ấn dụ MẮT TÌNH YÊU LÀ HƯỚNG RA XA (TRẠNG THÁI MẮT KẾT NỐI)

Định hướng HƯỚNG RA XA chiếm tỷ lệ tương đồng cao trong cả hai ngôn ngữ với 2 AD phái sinh như được biểu diễn trong Hình 7:



Hình 7. Các cấp độ của ấn dụ ý niệm định hướng MẮT TÌNH YÊU LÀ HƯỚNG RA XA trong các truyện ngắn Anh - Việt

Trong cả hai ngôn ngữ, tình yêu tan vỡ thường được khái niệm hoá như một quá trình RA XA, mất đi sự đồng hành và tách khỏi quỹ đạo chung. AD định hướng MẮT TÌNH YÊU LÀ HƯỚNG RA XA cho thấy sự tương đồng cơ bản giữa tiếng Anh và tiếng Việt khi cùng khái niệm hoá tình yêu tan vỡ như một hành trình bị gián đoạn, một sự buông tay hay một quá trình tách rời dẫn đến mắt kết nối. Tuy nhiên, tiếng Anh thường diễn đạt trực tiếp, ngắn gọn qua những cụm từ phổ biến như *leave behind*, *break up*, *at a crossroads*, nhấn mạnh sự kiện chia li như một kết quả tất yếu. Ngược lại, tiếng Việt giàu tính hình tượng và cảm xúc hơn với “rẽ sang hai con đường”, “lạc đường”, “buông tay”, “vỡ tan,

vỡ vụn”, qua đó tái hiện không chỉ hành động rời xa mà còn cả dư âm day dứt, nỗi đau và sự tan nát trong tâm hồn. Sự khác biệt này phản ánh rõ nét lối tri nhận thiên về lí tính của phương Tây và lối tri nhận giàu biểu tượng, cảm tính của phương Đông.

5.4. Các đặc điểm tương đồng và dị biệt trong ẩn dụ định hướng về tình yêu

5.4.1. Các đặc điểm tương đồng

Bài viết đã đi sâu khảo sát ba ẩn dụ bậc cao CÓ TÌNH YÊU LÀ ĐỊNH HƯỚNG LÊN, MẤT TÌNH YÊU LÀ ĐỊNH HƯỚNG XUỐNG; CÓ TÌNH YÊU LÀ ĐỊNH HƯỚNG VÀO, MẤT TÌNH YÊU LÀ ĐỊNH HƯỚNG RA và CÓ TÌNH YÊU LÀ ĐỊNH HƯỚNG LẠI GẦN, MẤT TÌNH YÊU LÀ ĐỊNH HƯỚNG RA XA.

Đặc điểm tương đồng giữa các ẩn dụ định hướng trong cả hai ngôn ngữ đều được bắt nguồn từ các kinh nghiệm vật lí, trải nghiệm tâm lí, trải nghiệm sinh học của con người và mang đặc trưng văn hoá cao. Mỗi ẩn dụ định hướng lại được đặt trong một hệ thống ý niệm tổng thể có sự phân cấp giữa các ý niệm và sự tương hợp giữa các tiểu loại ẩn dụ. Trong ẩn dụ định hướng CÓ TÌNH YÊU LÀ HƯỚNG LẠI GẦN, MẤT TÌNH YÊU LÀ HƯỚNG RA XA, các tác giả đã vận dụng thành công các kinh nghiệm vật lí và những trải nghiệm sinh học để lựa chọn các điển ngôn, khắc hoạ qua các hình ảnh mang tính quy ước. Đây là một ẩn dụ bậc cao ghi nhận sự tương đồng cao nhất giữa hai ngôn ngữ khi phần lớn các ẩn dụ phái sinh được tìm thấy là tương đương giữa tiếng Anh và tiếng Việt.

5.4.2. Các đặc điểm dị biệt

Về số lượng, bài viết đã khảo sát được 679 BT có chứa hình ảnh ẩn dụ trong tiếng Anh, thấp hơn 718 BT trong tiếng Việt thuộc ADYN định hướng.

Trong tiếng Anh và tiếng Việt, sự khác biệt nổi bật trong ẩn dụ về tình yêu chủ yếu phản ánh sự phân biệt văn hoá và tư duy của mỗi ngôn ngữ.

Một sự khác biệt rõ rệt là cách miêu tả tình yêu thông qua không gian. Tiếng Anh thường gắn tình yêu với các hình ảnh vật lí và cơ thể, như dạ dày (*butterflies in the stomach*), thể hiện sự đột ngột và cường độ cảm xúc. Trong khi đó, tiếng Việt chú trọng vào các không gian nội tâm và cảm xúc, ví dụ như lòng, trái tim, thể hiện chiều sâu cảm xúc và sự gắn kết tâm hồn.

Tiếng Anh thường miêu tả tình yêu như một sự kiện mạnh mẽ và tức thời, thường nhấn mạnh đến cường độ và hiệu ứng trực quan của ánh sáng và sức nóng, thiên về cơ học hơn là cảm xúc (*flared scarlet, blaze of golden*). Ngược lại, tiếng Việt nhấn mạnh quá trình tình yêu dâng lên từ từ, tình yêu được khắc hoạ như ngọn lửa sống, có thể được nhen nhóm, nuôi dưỡng để duy trì và để lại “tro tàn” sau khi tắt. Người Việt thiên về chi tiết cảm xúc, giàu tính duy trì và hồi tưởng.

Về các hình ảnh vật chứa, tiếng Việt miêu tả tình yêu qua những hình ảnh như bể ái, ngôi nhà, mật ngọt, gắn liền với các biểu tượng văn hoá dân tộc, trong khi tiếng Anh thiên về những hình ảnh đơn giản và trực quan hơn như *eyes, arms, stomach*.

Ngoài ra, sự miêu tả về tình yêu tan vỡ cũng khác biệt. Tiếng Anh sử dụng các từ mạnh mẽ như *devastated* và *shattered* để nhấn mạnh sự sụp đổ đột ngột của tình yêu, trong khi tiếng Việt lại miêu tả tình yêu tan vỡ dần dần, với các hình ảnh như lụi tàn, vỡ vụn, phản ánh sự âm ỉ và kéo dài của nỗi đau.

Tóm lại, sự khác biệt giữa tiếng Anh và tiếng Việt trong cách miêu tả tình yêu phản ánh sự phân biệt về cách tiếp cận cảm xúc và tư duy văn hoá. Tiếng Anh thường chú trọng vào tính lí tính, cơ thể và sự kiện, trong khi tiếng Việt thiên về cảm xúc, biểu tượng và trải nghiệm nội tâm. Những sự khác biệt này không chỉ nằm trong ngôn ngữ mà còn thể hiện những đặc trưng văn hoá sâu sắc.

6. Kết luận

Với 26 truyện ngắn Anh - Việt, bài viết đã khảo cứu 3 nhóm định hướng của ADYN về tình yêu, bao gồm LÊN - XUỐNG, VÀO - RA, GẦN - XA, trong đó LÊN - XUỐNG trội ở cả hai ngôn ngữ; GẦN - XA nổi bật hơn ở tiếng Việt, còn VÀO - RA lại cao hơn ở tiếng Anh. Cả hai ngôn ngữ đều chia sẻ các mô hình phổ quát (tích cực → LÊN, tiêu cực → XUỐNG; kết nối → GẦN/VÀO, mất kết nối → XA/RA), nhưng khác biệt ở chất liệu văn hoá - tri nhận, cách lựa chọn hình ảnh, biểu tượng và hướng triển khai khác nhau, qua đó bộc lộ những nền tảng tư duy và giá trị văn hoá riêng biệt.

Nhìn từ góc độ giao thoa ngôn ngữ - văn hoá, kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần làm rõ cách con người tri nhận và biểu đạt tình yêu trong văn học mà còn có ý nghĩa thiết thực đối với dạy - học, dịch thuật và tiếp nhận văn chương. Đồng thời, nó cũng khẳng định vai trò của ngôn ngữ như một tấm gương

phân chiếu vừa tính phổ quát, vừa tính dị biệt trong cách con người yêu, cảm nhận và kiến tạo thế giới tinh thần. Theo đó người học cần chú ý sơ đồ định hướng và biểu tượng văn hoá để bảo toàn nghĩa và hiệu ứng thẩm mỹ. Hạn chế nằm ở quy mô và thể loại ngữ liệu; hướng tiếp theo nên mở rộng sang thơ, tiểu thuyết/ca từ và các biến số xã hội học. Tổng thể, ngôn ngữ vừa phản ánh điểm phổ quát của trải nghiệm yêu, vừa phô bày dị biệt văn hoá, qua đó củng cố vai trò của ngôn ngữ như cầu nối liên văn hoá.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Ngũ Thiện Hùng & Trần Thị Thanh Thảo. *Ấn dụ ý niệm về tình yêu trong âm nhạc*. Tạp chí Khoa học Đại học Sài Gòn, 20, 15-25. 2011.
2. Nguyễn Thiện Giáp. *Nghĩa học Việt ngữ*. NXB Giáo dục. 2014.
3. Phan Văn Hòa, & Lương Thị Tâm. *Ấn dụ ý niệm về tình yêu trong tiếng Anh và tiếng Việt*. Tạp chí Khoa học, 6(3), 56-65. 2014.
4. Trần Văn Cơ. *Nhận thức, tri nhận - Hai hay một (Tìm hiểu thêm về ngôn ngữ học tri nhận)*. Tạp chí Ngôn ngữ, (7), 19-23. 2007.
5. Hồ Trịnh Quỳnh Thư. *Ấn dụ ý niệm về tình yêu trong ca dao Việt Nam*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, 15(3), 45-56. 2018.
6. Ly Lan. *Ấn dụ ý niệm về tình yêu trong ca từ nhạc Trịnh*. Tạp chí Khoa học Xã hội, (5), 112-120. 2011.
7. Nguyễn Thị Quyết. *Một số ấn dụ ý niệm về tình yêu trong ca dao Việt Nam*. Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, (8), 40-46. 2012.
8. Phạm Thị Hương Quỳnh. *Ấn dụ ý niệm về tình yêu trong truyện ngắn Việt Nam sau 1975*. Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật, (398), 66-72. 2017.
9. Trần Văn Nam. *Ấn dụ ý niệm tình yêu trong Thơ mới*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 63(2), 77-85. 2018.

Tiếng nước ngoài

10. Endarto, B. *A comparative study of conceptual metaphors of love in English and Indonesian*. International Journal of English and Education, 3(4), 467-478. 2014.
11. Gathigia, M. G. *Conceptual metaphors of love in Gikuyu: A cognitive semantic analysis*. International Journal of Academic Research in Progressive Education and Development, 3(1), 32-50. 2014.
12. Gavelin, K. *A diachronic study of the conceptual metaphor LOVE IS A JOURNEY in Mariah Carey's lyrics (Bachelor's thesis)*. Linnaeus University. 2015.
13. Kövecses, Z. *Metaphors of anger, pride, and love: A lexical approach to the structure of concepts*. John Benjamins. 1986.
14. Kövecses, Z. *Metaphor: A practical introduction* (2nd ed.). Oxford University Press. 2010.
15. Lakoff, G., & Johnson, M. *Metaphors we live by*. The University of Chicago Press. 1980.
16. Lakoff, G. *Metaphor and thought: Ideology in the language of the body*. Cambridge University Press. 1992.
17. Li, X., & Guo, Z. *Cognitive universality and cultural variation in metaphor*. Foreign Language Teaching and Research, 38(3), 178-183. 2006.
18. Mashak, S., Noor, N. M., & Rezaee, A. A. *A comparative study of conceptual metaphors of love in English and Persian*. International Journal of Linguistics, 4(4), 536-543. 2012.
19. Ngamjitwongsakul, W. *Conceptual metaphors of love in modern Thai songs (Master's thesis)*. Chulalongkorn University. 2005.
20. Quinn, N. The cultural basis of metaphor. In J. Fernandez (Ed.), *Beyond metaphor: The theory of tropes in anthropology* (pp. 56-93). Stanford University Press. 1991.
21. Stephanie, T. *Metaphors of love in contemporary media*. Journal of Communication Inquiry, 30(1), 2006.
22. Tissari, H. *Metaphors we love by: On the cognitive metaphors of love in early English correspondence*. Helsinki: Société Néophilologique. 2001.
23. Tissari, H. *Love as blindness in the Helsinki corpus of English texts*. International Journal of Corpus Linguistics, 10(3), 293-314. 2005.
24. Trim, M. *Conceptual metaphor theory: Love metaphors in English and Chinese*. University of Vienna. 2007.
25. Yang, R. *A diachronic study of conceptual metaphors of love in Chinese*. Journal of Language Teaching and Research, 1(4), 367-372. 2008.
26. Zhang, J. *A study on conceptual metaphors of love in English and Chinese*. Theory and Practice in Language Studies, 2(3), 584-589. 2012.
27. Zitu, L. V., & Zhang, J. *Universality and variation in conceptual metaphors of love: A contrastive study between English and Chinese*. Journal of Language and Literature, 3(1), 90-97. 2012.